

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 158 /GPMT-UBND

Đồng Tháp, ngày 13 tháng 10 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét Văn bản số 57/TTPHT-KTDVHT ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Trung tâm Phát triển hạ tầng về việc đề nghị cấp đổi Giấy phép môi trường của dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Sông Hậu, giai đoạn 2;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 4292/TTr-SNN&MT ngày 06 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Trung tâm Phát triển hạ tầng, địa chỉ tại số 84, đường Ngô Gia Tự, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Sông Hậu, giai đoạn 2, tại xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Sông Hậu, giai đoạn 2.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập: Quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

1.4. Mã số thuế: 1201709655.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp (ngành nghề thu hút đầu tư: công nghệ chế biến lương thực, thực phẩm: đồ hộp hoa quả, nấm rơm và đồ hộp thực phẩm, thức ăn sẵn; chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; công nghệ hàng tiêu dùng: may mặc, gia công hàng hóa các loại; công nghiệp nhựa chất dẻo: các sản phẩm dệt nhựa, composite, polymer; công nghệ sản xuất dầu mỡ động, thực vật; chế biến thủy hải sản).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích đất sử dụng: 63,2694 ha.

- Công suất thiết kế: Gồm 44 lô, trong đó có 31 lô quy hoạch làm khu đất xí nghiệp (47,0183 ha), 11 lô quy hoạch làm đất cây xanh, công trình tạm, bến lên hàng (10,2362 ha), 01 lô quy hoạch làm khu điều hành và hệ thống xử lý nước thải và 01 lô quy hoạch làm trạm biến áp (0,0767 ha); hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 600 m³/ngày.đêm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trung tâm Phát triển hạ tầng được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trung tâm Phát triển hạ tầng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp

giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 27 tháng 12 năm 2032.

Giấy phép môi trường số 1429/GPMT-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Xây dựng; Giám đốc Công an tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Lai Vung và Giám đốc Trung tâm Phát triển hạ tầng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *muen*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP và các PCVP, các Phòng nghiên cứu;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công Tỉnh;
- Lưu: VT, LGV.(11)

KT. CHỦ TỊCH *muen*
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Diệu

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **158** /GPMT-UBND
ngày **13** tháng **10** năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: nước thải sinh hoạt từ nhà điều hành khu công nghiệp.
- Nguồn số 2: nước thải từ các đơn vị đầu tư thứ cấp trong khu công nghiệp.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: sông Hậu, xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Vị trí xả nước thải: ven Sông Hậu, xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°): X: 1132760 Y: 565769.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 600 m³/ngày.đêm; 25 m³/giờ.

a). Phương thức xả nước thải: nước thải sau xử lý tại trạm xử lý tập trung được xả thải bằng hình thức tự chảy bởi cống ngầm BTLT D300 m, xả ven bờ sông Hậu.

b). Chế độ xả nước thải: liên tục (24 giờ).

c). Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A, hệ số Kq = 1,2, Kf = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Lưu lượng	m ³ /ngày đêm	600	Liên tục	Có
2	pH	-	6-9	Liên tục	Có
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	≤ 40	3 tháng/lần	Không có
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 40	Liên tục	Có
5	COD	mg/l	≤ 65	Liên tục	Có

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	$\leq 5,0$	Liên tục	Có
7	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	≤ 20	3 tháng/lần	Không có
8	Dầu mỡ khoáng	mg/l	$\leq 1,0$	3 tháng/lần	Không có
9	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	$\leq 4,0$	3 tháng/lần	Không có
10	Clo dư	mg/l	$\leq 1,0$	3 tháng/lần	Không có
11	Tổng Coliform	MPN	≤ 3.000	3 tháng/lần	Không có

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt từ khu điều hành, dịch vụ của khu công nghiệp: được thu gom về 1 bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ các chất ô nhiễm sau đó theo tuyến ống PVC Ø90mm dẫn về hố ga thu gom để tiếp tục dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nước thải từ các đơn vị sản xuất, kinh doanh trong khu công nghiệp sau xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn đầu nối sẽ đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp. Hệ thống tuyến cống thu gom như sau:

+ Tuyến A thu gom nước thải từ lô A1 đến lô A16.

+ Tuyến B thu gom nước thải từ lô A, lô B, lô 8, lô 9, lô 10, 18 đến lô 23, E, A17, A24, A25, A26, A27, A28.

+ Tuyến thu gom A và B là tuyến cống BTCT D600mm chạy dọc các vỉa hè đường nội bộ khu công nghiệp sau đó đầu nối vào tuyến cống chính với cống BTCT D800 mm dọc theo đường nội bộ số 3 và về hố ga cuối tuyến. Dọc theo tuyến thu gom đều bố trí các hố ga thu nước. Từ hố ga cuối tuyến, nước thải theo tuyến cống BTCT D800 mm dẫn về hố ga đầu nối, từ hố ga đầu nối nước thải tiếp tục theo tuyến ống BTCT D800 mm dài 21,4 m dẫn về bể gom của trạm xử lý nước thải. Từ bể gom, nước thải được phân phối về 02 mô đun của trạm xử lý, mỗi mô đun có công suất 300 m³/ngày.đêm. Công suất thiết kế của trạm xử lý nước thải tập trung là 600 m³/ngày.đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: xử lý theo phương pháp sinh học theo quy trình sau: nước thải → Song chắn rác → Bể gom → Bể điều hòa → Bể lắng 1 → Bể sinh học hiếu khí MBBR → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Xả thải ra sông Hậu, đảm bảo đạt

cột A theo QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, $K_q = 1,2$, $K_f = 1,0$.

- Công suất thiết kế: $600 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại mục A phụ lục 1 này): NaOCl.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Xây dựng và vận hành hồ ứng phó sự cố có diện tích 1.816 m^2 để phòng ngừa, ứng phó sự cố cho trạm xử lý nước thải tập trung công suất $600 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Trường hợp nước thải đầu ra vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, trạm xử lý nước thải bị sự cố, nước thải sẽ được đưa vào hồ sự cố và bơm quay vòng để xử lý lại.

- Vận hành trạm xử lý nước thải tập trung theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng các thiết bị, máy móc và dự phòng thiết bị thay thế.

- Thiết lập cảnh báo sớm cho hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đối với các thông số ô nhiễm trong nước thải; thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị đo theo đúng quy định.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành trạm xử lý nước thải tập trung và ghi chép nhật ký giám sát hàng ngày.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **158** /GPMT-UBND
ngày **13** tháng **10** năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: khu vực đặt máy thổi khí của mô đun xử lý nước thải 1.
- Nguồn số 2: khu vực đặt máy thổi khí của mô đun xử lý nước thải 2.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Trạm xử lý nước thải tập trung, Khu công nghiệp Sông Hậu, xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105° , múi chiều 3°): vị trí 1: X: 1132902 Y: 565819; vị trí 2: X: 1132885 Y: 565837

3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và quy định pháp luật hiện hành, cụ thể như sau:

Thành phần	Đơn vị	Giới hạn	QCVN áp dụng
Tiếng ồn	dBA	Ban ngày từ 6 giờ – 21 giờ: 70 Ban đêm từ 21 giờ – 6 giờ: 55	QCVN 26:2010/BTNMT
Độ rung	dBA	Từ 6 giờ – 21 giờ: 70 Từ 21 giờ – 6 giờ: 60	QCVN 27:2010/BTNMT

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định; lắp đặt đệm cao su tại các điểm tiếp xúc giữa máy móc và sàn đặt máy để giảm tiếng ồn, độ rung.

- Thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của thiết bị trong quá trình lắp đặt và vận hành.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với độ rung và quy định hiện hành.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **158** /GPMT-UBND
ngày **13** tháng **10** năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh: trong quá trình hoạt động của dự án sẽ phát sinh ra khối lượng chất thải nguy hại gồm bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in thải có các thành phần nguy hại, dầu nhiên liệu và dầu Diesel thải, chất hấp thụ, vật liệu lọc bị nhiễm các thành phần nguy hại,.... Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại dự án khi đi vào hoạt động ổn định khoảng 23 kg/năm.

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát phát sinh: khi dự án đi vào hoạt động, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát phát sinh bao gồm bùn thải từ trạm xử lý nước thải tập trung, bùn nạo vét các hố ga,... khối lượng khoảng 84,566 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khi dự án đi vào hoạt động, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ sinh hoạt của nhân viên và các đối tượng khác trong khu vực bao gồm rác hữu cơ dễ phân hủy (rau quả, thực phẩm thừa,...), rác thải có khả năng tái sử dụng (lon, chai, lọ, hộp,...), và rác thải khối lượng khoảng 04 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

a). Thiết bị lưu chứa: trang bị thùng chứa có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải nguy hại, để thu gom và bảo quản từng loại chất thải rắn nguy hại với thể tích 120 lít. Mỗi loại chất thải được lưu giữ trong mỗi thùng riêng biệt có dán tên, mã số chất thải nguy hại theo quy định.

b). Kho/khu vực lưu chứa trong nhà: diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà: 06 m². Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: nền đổ bê tông, có mái che bằng tôn, vách xây tường gạch, cửa ra vào có gờ chắn, bên ngoài dán biển cảnh báo chất thải nguy hại theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát

a). Thiết bị lưu chứa: bao bì PP và các thiết bị khác đáp ứng yêu cầu theo quy định.

b). Kho/khu vực lưu chứa: nhà chứa và ép bùn, diện tích 91,2 m².

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

a). Thiết bị lưu chứa: trang bị thùng rác thể tích 120 lít để thu gom, lưu chứa rác thải theo quy định.

b). Kho/khu vực lưu chứa: không bố trí (do khối lượng ít và được chuyển giao, xử lý hàng ngày).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đã cam kết.

Phụ lục 4

YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **158** /GPMT-UBND
ngày **13** tháng **10** năm **2025** của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Cam kết xử lý nước thải đảm bảo giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả thải ra nguồn nước tiếp nhận phải đáp ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai, tài nguyên nước, môi trường, an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành; thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4. Thực hiện đầy đủ chương trình quan trắc đã cam kết trong nội dung Giấy phép bảo vệ môi trường. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.

6. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định pháp luật, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật./.